

XÃ HỘI HỌC VÀ LỊCH SỬ

KỶ NIỆM 400 NĂM NGÀY MÁT CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM

NHỮNG VẤN ĐỀ KHOA HỌC TRONG NGHIÊN CỨU NGUYỄN BÌNH KHIÊM*

VŨ KHIÊU

Bốn thế kỷ đã qua từ ngày Nguyễn Bình Khiêm qua đời, nhưng suốt bốn thế kỷ chưa lúc nào ngớt âm vang về con người kỳ diệu ấy.

Mọi tầng lớp nhân dân đều đã liên tục bình luận về ông, trong đó có khen có chê, có sai có đúng, có những điều đem gán cho ông mà ông không có, có những điều ông vốn có đã chẳng được nêu lên.

Chủ nghĩa Mác sẽ giúp cho chúng ta vén lên bức màn hoang đường và định kiến để chúng ta thấy rõ con người thực của ông. Chúng ta sẽ trả cho ông ánh hào quang rực rỡ của chính ông và vạch ra những hạn chế mà chính thời đại và nhận thức đã không cho phép ông vượt qua.

Hôm nay, trên cơ sở những tài liệu được sưu tầm và nghiên cứu, chúng ta cùng bàn bạc với nhau và cùng làm sáng tỏ những vấn đề đang được đặt ra.

II

Trước hết, Nguyễn Bình Khiêm là một nhà trí thức rực rỡ một thời và tiêu biểu cho nhiều tầng lớp trí thức Việt Nam. Xuất thân từ một gia đình trí thức, được sự nuôi dưỡng và dạy dỗ chu đáo, ông đã nhanh chóng bước lên đỉnh cao của kiến thức đương thời. Không phụ lòng một người mẹ thông minh, một người thầy lỗi lạc, ông đã đỗ trạng nguyên, sau đó lại tự mình đào tạo ra những trạng nguyên khác và để lại cho người đời một đội ngũ trí thức kiệt xuất. Phải chăng đó chính là tấm gương sáng cho những người đi học và đi dạy, một bài học cho ngay nhà trường xã hội chủ nghĩa của chúng ta hôm nay ?

* Báo cáo đề dẫn tại Hội nghị khoa học về Nguyễn Bình Khiêm tại Hải Phòng ngày 27 - 23-12-1985.

Học rồi phải hành. Đó là nghĩa vụ của người trí thức. Phải góp gì vào sự phát triển của lịch sử, vào sự tiến bộ của xã hội và hạnh phúc của nhân dân, Chính Khổng phu tử đã chẳng dạy điều đó hay sao? Ngài đã chẳng suốt đời vất vả để mong được sử dụng đó sao. Ngài không bao giờ muốn mình chỉ là “một quả bầu để treo chứ không phải để ăn”. Phải chăng nhà Lê đã quá hủ nát đến mức ông chẳng muốn dây vào? Phải chăng chưa gặp minh chúa để phục vụ, ông đành làm một con rồng nằm ngủ đất Nam Dương? Hay phải chăng với bản lĩnh của một người trí thức, ông cần đắn đo lựa chọn và sử dụng bản thân cho đúng chỗ?

Vì sao mãi đến 45 tuổi, ông mới xuất hiện? Và lúc đó, như tiếng sét trên đất bằng, ông bộc lộ tài năng xuất chúng, một bước đạt tới đỉnh cao nhất trên đài khoa hoạn.

Ông là một nhà nho. Nhưng phải chăng ông đã vượt lên trên quan điểm của nhà nho đương thời để đánh giá các triều đại? Phải chăng từ tính tất yếu của những biến thiên lịch sử, ông đã thấy sự suy sụp không thể cứu chữa của nhà Lê và chờ đợi một sự đổi mới? Phải chăng ông cũng nghĩ như Cao Bá Quát sau này là: “Nếu vua hiện nay đã trở thành Kiệt Trụ thì lẽ tất nhiên sẽ có những vua mới là Thang Vũ lên thay?”

Chúng tôi mong các bạn đồng nghiệp sẽ làm sáng tỏ những vấn đề trên đây, trên cơ sở nghiên cứu hoàn cảnh lịch sử đương thời, phân tích những điều kiện kinh tế xã hội trong đó ông đã sống. Không thể hiểu biết gì về một con người, nếu như tách người ấy ra khỏi môi trường gia đình và xã hội.

Chúng ta không máy móc nghĩ rằng con người chỉ là sản phẩm tiêu cực của hoàn cảnh. Trong quá trình tác động ngược trở lại hoàn cảnh, con người đã từ trong mối quan hệ đó, phát huy phẩm chất, tài năng và bộc lộ bản lĩnh của bản thân mình. Giá trị của các danh nhân dù lỗi lạc cũng không thể vượt ra khỏi cái khung cảnh mà thời đại cho phép. Nhưng trong cái khung cảnh đó, sự khác nhau giữa các cá nhân là ở chỗ có người đã đạt tới đỉnh cao nhất của tài năng và cống hiến, và có người còn đứng ở những bậc thang cuối cùng.

Sự phân tích tại Hội nghị chúng ta hôm nay sẽ là cơ sở khoa học để chúng ta hiểu Nguyễn Bình Khiêm được sâu sắc hơn và chính xác hơn. Thời đại Nguyễn Bình Khiêm là thời đại gì? Nó là thời phong kiến sơ kỳ hay thời phong kiến suy vong? Nên đánh giá như thế nào cho đúng về các vua Lê cuối cùng và các vua Mạc đầu tiên? Xuất phát từ quan điểm tư tưởng nào, Nguyễn Bình Khiêm đã nằm im dưới triều Lê lại đem toàn bộ tâm huyết để phục vụ triều mạc? Sáu, bảy mươi tuổi đầu, còn theo xa giá đi tòng chinh. Bao nhiêu lần ra làm quan rồi lại rút lui. Trong quãng đời luôn luôn chập chờn ấy, ông chưa lúc nào tỏ ra kính trọng nhà Mạc. Tấm lòng ông trước sau như một là mong mỏi cho triều Mạc trở thành một triều đại Đương Ngu và trong cảnh hoạn lạc của đất nước, nhân dân được sống dưới sự cai trị đầy đức độ của một vị “Thái bình thiên tử”.

Từ xưa đến nay, các sử giả bảo thủ đã lên án nhà Mạc một cách quá đáng và phủ nhận mọi đóng góp của nhà Mạc vào sự phát triển của đất nước trên mọi mặt kinh tế, xã hội, văn hóa. Sự đánh giá lại nhà Mạc một cách căn bản và khoa học sẽ góp phần làm sáng tỏ hơn nữa thái độ của Nguyễn Bình Khiêm khi ông chấp nhận nhà Mạc và lựa chọn con đường đi của ông với tư cách là một nhà trí thức.

III

Lịch sử không để lại cho chúng ta đầy đủ những tư liệu về đời tư của Nguyễn Bình Khiêm để từ đó hiểu sâu thêm về bản chất và đặc điểm của tư tưởng ông.

Trên một nghìn bài thơ mà ông để lại là những nhân chứng quý báu giúp chúng ta làm việc này.

Thơ ông là nhật ký của ông. Thơ ông không chỉ phản ánh sâu sắc những diễn biến của cuộc đời mà còn thể hiện chân thành những suy tư, những xúc cảm, những thái độ của ông trước những diễn biến ấy. Giá trị tư tưởng và nghệ thuật trong thơ ông cũng là giá trị của bản thân ông được chúng ta tìm hiểu từ chiều thâm kín nhất của tâm hồn ông.

Người ta gọi ông là nhà triết học, hay cụ thể hơn là nhà lý học. Không như những triết gia khác, ông không để lại những tác phẩm thuần túy triết học. Như ở các nhà thơ lớn của Việt Nam mọi tư tưởng của ông, kể cả tư tưởng triết học lại nằm dưới cái vỏ thẩm mỹ của ngôn ngữ thi ca. Thi ca là cửa ngõ duy nhất cho những ai muốn đi tới lâu đài triết học của ông. Cái khó khăn là mỗi bài thơ của ông chỉ có thể bộc lộ một điểm nào đó, một mặt nào đó của tư tưởng ông. Không thể hiểu cả khu rừng nếu chỉ hiểu một cây. Không thể cả hiểu bầu trời nếu chỉ thấy một vì sao. Ông là nhà duy vật, nếu chúng ta chỉ nêu những lời ông nói về những mặt cụ thể của thiên nhiên và xã hội hoặc chỉ căn cứ vào một câu thơ của ông cho “tất cả đều do khí”. Ông sẽ là nhà duy tâm, nếu chỉ nhấn mạnh những quan điểm của ông về lý học, về thiên lý và nhân tâm. Ông là nhà biện chứng khi ông nói tới sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các mặt thịnh suy, hưng vong, cùng thông bỉ thái. Nhưng ông lại là siêu hình khi ông chỉ nhìn thấy sự vật biến đổi trong một cái vòng luân quản. Chúng ta mong giới triết học sẽ đi sâu để nêu lên được những điểm bản nhất trong thế giới quan của ông, để từ đó đánh giá mặt tiến bộ và mặt hạn chế, khi ông ứng dụng những quan điểm đó vào cuộc đời ông và truyền lại cho hậu thế.

Dù ông có những quan điểm khác với các nhà nho đương thời thì ông vẫn là một nhà nho. Ông vẫn là một người được chính truyền về tư tưởng Khổng giáo. Ông luôn luôn nói tới *nhân nghĩa, trung tín*. Ông đã dành nhiều bài thơ để giải thích tỉ mỉ về đạo cường thường, về mối quan hệ giữa vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn...

Không ai có thể chối cãi điều đó. Nhưng từ đây lại nghĩ rằng ông không tiếp thu gì ở đạo Phật và đạo Lão thì lại không thỏa đáng. Có nhà nho nào trong lịch sử Việt Nam lại không nghiên cứu các sách Lão Trang và các sách Phật học. Khổng giáo đã trở thành độc tôn từ thế kỷ XV, nhưng không vì thế mà truyền thống kết hợp “tam giáo” từ thời nhà Lý đã bị gạt bỏ.

Từ đầu chí cuối, ông chưa bao giờ đi ngược lại đạo Nho. Nhưng khi cáo quan trở về sống giữa cỏ hoa, sông nước, ông muốn gần gũi với thiên nhiên, thực hiện thuyết vô vi, ca ngợi chữ “nhân”. Ông có lúc bài xích những hiện tượng mê tín ở chùa chiền, nhưng tư tưởng Thiên học vẫn thấm đượm trong rất nhiều bài thơ của ông. Bài văn bia ở bên quán Trung Tâm nêu cao đạo lý của nhà nho, lấy đạo trung dung làm gốc. Nhưng quán Trung Tâm cũng được nêu lên như cái bến để đón tiếp những khách vắng lai từ mọi nẻo mê đô đi tới. Quán Trung Tâm cũng là bến đợi chờ những kẻ đang chìm nổi trong bể trầm luân của nhà Phật. Quán Trung Tâm cũng là bến thảnh thơi đối với những người mang tư tưởng Lão Trang trở về với cuộc sống tiêu dao của trăng thanh,

gió mát. Mọi quan hệ giữa Nho, Phật, Lão ở Nguyễn Bình Khiêm phải chăng đã rõ nét trong bài văn bia ấy ?

Nếu như tư tưởng triết học của ông đã không được trình bày có hệ thống và đầy đủ dưới dạng triết học thì tư tưởng của ông về mặt nhân sinh và đạo lý lại nổi lên rất rõ và bao trùm lên toàn bộ tác phẩm cha ông. Ông trở thành một con người đáng kính mến khi, với những lời lẽ giản dị và chân thành, ông nói lên tấm lòng mến nước thương dân, điều mà ông đã theo đuổi suốt đời.

Vì cuộc sống thanh bình và hạnh phúc của nhân dân, ông đã bao lần hăng hái ra giúp nhà Mạc. Nhưng bao lần ông đã phải cáo quan quay về, lòng mong mỗi suốt đời của ông vào một xã hội tốt đẹp đã không thành hiện thực. Ông luôn luôn nêu lên trong thơ những cảnh nghèo khổ, túng thiếu của nhân dân, tình trạng đạo đức suy đồi những cảnh chạy theo lợi danh, những thói tục vì tiền bỏ nghĩa.

Tiếc rằng không vượt qua được những hạn chế của thời đại và nhận thức, ông chỉ thấy mặt tác hại của đồng tiền mà không thấy mặt tiến bộ của nó. Đồng tiền đã đem lại sự suy đồi chong đạo đức, nhưng cũng là một tia sáng về tương lai của đất nước. Ông quay lại quá khứ, nhìn lại cái vòng luẩn quẩn của một xã hội mà sự trì trệ đã kéo dài hàng ngàn năm.

Ông muốn nhìn về tương lai, nhưng cái tương lai vẫn mù mịt ấy không cho ông thấy được sự phủ định tất yếu của ngày hôm nay, mà chỉ đẩy lùi ông trở về thuở xa xưa của ngày Nghiêu tháng Thuấn. Phải chăng chính vì thế ông trở thành bảo thủ, và sự bất lực của ông là bi kịch của ông ?

Điều đau xót nhất của ông là cuộc chiến tranh liên miên diễn ra suốt cuộc đời ông giữa các tập đoàn phong kiến đã đẩy nhân dân vào cảnh “thành xương sông máu”. Do chiến tranh ấy mà nhân dân lao động xung quanh ông đã phải sống cuộc đời chia ly, đói rét, nhà cửa bị tàn phá, ruộng đồng phải bỏ hoang.

Thái độ của ông đối với hòa bình và chiến tranh là rất rõ ràng. Ông tham gia vào các cuộc chinh phạt nhằm chống lại những kẻ mà ông coi là giặc cướp tàn hại nhân dân. Nhưng đối với các cuộc chiến tranh khác, những cuộc chiến tranh vì lợi ích của cá nhân và dòng họ thì ông lại kịch liệt lên án.

Phải chăng thái độ của ông cũng thể hiện truyền thống của nhân dân ta là vừa cương quyết chống những kẻ áp bức tàn bạo, vừa xây dựng và bảo vệ cuộc sống thanh bình của đất nước. Đây là một thái độ mà giới khoa học chúng ta cần phải làm sáng tỏ trước toàn thể nhân loại đang đấu tranh cho hòa bình, chống đế quốc Mỹ và bọn phản động đang đẩy nhân dân thế giới vào cuộc chiến tranh hủy diệt.

Có vấn đề sấm ký Nguyễn Bình Khiêm mà suốt 400 năm người ta vẫn xôn xao bàn tán. Phải chăng ông là một nhà tiên tri biết hết mọi việc ? Từ phép biện chứng thô sơ của *Dịch kinh* và *Lý học*, ông đã thể nghiệm sự đổi thay của hoàn cảnh xã hội giữa sống chết, đầy vơi, lên xuống doanh hư, thăng trầm, thịnh suy... Từ sự lặp đi lặp lại của lịch sử trong cái vòng luân quần ấy, ông đã dự đoán được sự suy vong của nhà Lê và tin vào sự hưng thịnh của nhà Mạc, chỉ ra lợi ích thiết thực của các tập đoàn xã hội.

Ta có thể dễ dàng gặp điều này ở nhiều nhà trí thức qua các thời đại. Nhưng cái gọi là “sấm” của ông lại là một vấn đề khác. Tôi nghĩ rằng những giai thoại kỳ quái về khả năng của ông đoán trước mọi việc cụ thể là một điều có thể giải thích được

trong một xã hội còn đầy rẫy những điều mê tín, những chuyện bịa đặt và hoang đường. Mong rằng giới khoa học chúng ta sẽ làm sáng tỏ vấn đề. Đây là khả năng dự báo xã hội của Nguyễn Bình Khiêm do kiến thức và kinh nghiệm đem lại và đây là những điều vô lý mà người ta do ngu muội và mê hoặc đã gán ghép cho ông.

Người ta còn bàn nhiều về cuộc sống thanh nhàn và ần dật của Nguyễn Bình Khiêm. Đó là điều đáng khen hay đáng chê ? Đó là sự trốn tránh trách nhiệm khi đất nước đang đòi hỏi sự đóng góp của mọi người hay đó là thái độ ứng xử của người trí thức trong trạng thái khủng hoảng và bế tắc ? Phải chăng, bất lực trước những quan hệ xã hội rối ren và thối nát, người trí thức không muốn làm hoen ố tâm hồn, phẩm chất của mình trong cuộc đua chen lợi danh ấy ? Cao Bá Quát sau ông ba trăm năm đã phân chia người trí thức thành ba loại giống như ba loài chim. Loại thứ nhất là những con chim hồng hộc bay bổng trên trời xanh. Loại thứ hai là những con hạc đen đi ần bên sườn núi. Loại thứ ba là những con chim hoàng yến quanh quẩn trên lầu đài của những nhà quyền quý.

Nguyễn Bình Khiêm đã không làm nên những sự nghiệp anh hùng và bay bổng trên mây xanh như kiểu Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm. Ông cũng không cam tâm chạy theo cuộc sống lợi danh xung quanh những nhà quyền quý. Ông đã muốn làm một nhà ần dật giống như những con hạc đen sống thanh cao bên sườn núi theo kiểu Chu Văn An trước đây. Phải chăng chính vì thế mà người đời hiểu nỗi khó khăn của ông và càng kính trọng ông thêm ?

IV

Một vấn đề nữa đặt ra là đánh giá như thế nào về giá trị trong di sản văn học của Nguyễn Bình Khiêm ?

Sau Nguyễn Trãi hơn một trăm năm, Nguyễn Bình Khiêm đã có những đóng góp gì vào quá trình phát triển của văn học Việt Nam và vị trí ông như thế nào trong lầu đài văn học của dân tộc ?

Trước hết, phải thấy rằng suốt bao nhiêu thế kỷ học chữ Hán và làm thơ bằng chữ Hán, các nhà trí thức Việt Nam trước những khó khăn về ngôn từ và thể loại đã lẩn tránh việc cố gắng làm thơ bằng tiếng mẹ đẻ.

Trước sự sáng tạo của Nguyễn Thuyên, sự quan tâm đặc biệt của Nguyễn Trãi, thành quả bước đầu của Lê Thánh Tông và nhóm Tao Đàn, Nguyễn Bình Khiêm đã suốt cuộc đời dành bao tâm huyết để làm thơ bằng tiếng Việt. Không chỉ nói với đồng bào mình những điều muốn nói. Ông cũng như Nguyễn Trãi đã đem hết nhiệt tình xây dựng nền văn học dân tộc mà lòng yêu nước và óc tự cường đã hằng ngày thôi thúc các ông.

Với một di sản lớn lao mà ông để lại, thơ Nôm của ông đã đánh dấu một chặng đường quang vinh trong lịch sử văn học Việt Nam. Thơ văn ông vừa mang những nét mộc mạc và rắn chắc của thơ Nguyễn Trãi, vừa tiếp thu truyền thống trau chuốt và nhuần nhuyễn của thơ Lê Thánh Tông và nhóm Tao Đàn. Thơ của ông chính là sự chuẩn bị cần thiết cho sự phát triển rực rỡ của thơ Nôm thế kỷ XVIII.

Có lẽ đây lòng tự hào về tinh hoa và tiềm năng của dân tộc trong thơ ca dân gian Việt Nam mà ông đã đưa vào tràn ngập trong thơ ông những lời đẹp nhất của ca dao, tục ngữ.

Thơ của ông hướng vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân mà ông gần gũi và yêu quý. Có lẽ vì thế mà thơ Nôm của ông ít những lời sáo rỗng về phong, hoa tuyết, nguyệt, mà lại đi vào lòng người với những nét rất thân thương của những đồ đạc, những rau cỏ, những chim muông gặp gỡ hằng ngày.

Nhớ rau lại tiếc nồi canh ngọt,

Ném éch còn thềm có giống măng.

Cũng như Nguyễn Trãi, ông đưa vào thơ những rau muống, rau ngổ, những củ tía, củ nâu, củ khoai...., những con cóc, con rùa, cần cua, con ốc, con cá đòng đòng, con tằm, con ngải, con kiến, con ong, con ruồi, con nhện...

Phải chăng vì gần gũi với đời sống như thế, ông đã thuộc tên từ cụ già đến trẻ em, đi vào niềm vui và nỗi lo của từng người, và từ đó đưa vào thơ một tính nhân dân sâu sắc.

Các nhà nghiên cứu của ta từng bàn đến đặc điểm của ông khi sử dụng thơ Đường, tính độc đáo của ông qua câu sáu chữ. Có người khen là thơ của ông mộc mạc, không cần kỹ xảo, không cần hình tượng. Có người nói ngược lại là thơ của ông tràn ngập những hình tượng, hình tượng của hiện thực, hình tượng của suy tư, hình tượng của đạo lý, hình tượng của cảm xúc. Vấn đề đặt ra cho chúng ta là tìm hiểu vì đâu mà trong thơ ông, những cái mộc mạc, cái suy tư, cái đạo lý lại mang tính thẩm mỹ và tạo nên giá trị nghệ thuật.

V

Di sản văn học của Nguyễn Bình Khiêm là tấm gương soi của xã hội ông, của cuộc đời ông.

Kỷ niệm 400 năm ngày mất của ông, chúng ta đọc lại thơ văn ông và xúc động thấy rằng sau những câu chữ của ông là những lời tâm sự mà ông gửi gắm cho đời sau, cho chúng ta hôm nay.

Suốt cuộc đời ông, trăng đã là người gần gũi. Có hàng trăm bài thơ của ông đã nói tới trăng. Trăng vào đầy thuyền ông những đêm đón gió trên mặt hồ. Trăng vào chén rượu của ông những buổi cùng ông xem hoa. Đặc biệt, trăng là người tri kỷ để hiểu ông từ mọi nỗi lo âu và khát vọng. Trăng đã cùng ông thức suốt đêm những đêm ông chẳng ngủ.

Mấy hôm nay, trăng lại như sáng thêm, trên quê hương ông đổi mới.

Mấy hôm nay, chúng ta lại qua những nẻo đường mà trước đây ông đã qua, lại nhìn những làn mây trắng bay trên bầu trời xanh thưở ấy, lại nhìn ánh trăng vàng vạc năm ấy đã từng soi tỏ tấm lòng ưu ái của ông đối với nước, với dân : “*Ái ưu vàng vạc trăng in nước*”.

Vàng trắng năm ấy không còn soi bóng ông trên quê hương ông nữa và quê hương ông hôm nay trên mọi mặt của đời sống xã hội cũng không còn giống quê hương ông năm ấy.

Quê hương ông, những xóm chài tối tăm đã biến thành hải cảng tân kỳ hôm nay, rực rỡ những tàu thuyền và ánh sáng.

Quê hương ông, những mái tranh xiêu vẹo nơi bùn lầy nước đọng đã nhường chỗ cho những thôn làng xanh mướt vườn cây và đồ tươi mái ngói.

Quê hương ông với những con người đói rét mà ông từng ghen ngào mô tả trong thơ, đã tạo cho ông những người đồng hương mới, những người làm chủ đất nước và làm chủ vận mệnh của mình.

Quê hương ông đã trở thành một thành phố của giai cấp công nhân, một lò lửa trong những ngày đấu tranh cách mạng, một tấm gương kiên cường và bất khuất trong những năm chống Pháp và chống Mỹ, một trung tâm lao động và sáng tạo trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quê hương ông đang vô cùng bận rộn để giải quyết những vấn đề cấp thiết của hiện tại, nhưng đã không quên ngày mai của ông, vì họ đã luôn luôn và có cái nhìn xa rộng cả về tương lai và về quá khứ. Tương lai đã vẫy gọi từ đỉnh cao của phồn vinh và hạnh phúc. Quá khứ đang chụp thêm cảnh từ sức mạnh của truyền thống anh hùng và nhân đạo, trong đó có truyền thống của chính ông.

Cái nhìn của quê hương ông là cái nhìn của giai cấp công nhân, cái nhìn toàn diện. Không có cái nhìn ấy thì không thể thấy phép biện chứng của cuộc sống, cũng không có những thành tựu hôm nay của Hải Phòng.

Năm vững đường lối của Đảng, Hải Phòng đang tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng tư tưởng và văn hóa không hề bị coi nhẹ.

Từ bầu lớn của Thái Bình Dương, từ Viễn vọng đài trên đồi thiên văn, Hải Phòng không chỉ nhìn lên những vì sao trên bầu trời, mà còn tiếp thu những điều mới mẻ của nhân loại từ biển khơi đưa tới.

Từ cửa ngõ này của Tổ quốc, Hải Phòng đang lĩnh nhiệm vụ đón chào những khách viễn phương với bộ mặt rực rỡ tiêu biểu cho tinh hoa và cốt cách của cả dân tộc.

Phải chăng chính vì thế mà Hải Phòng hôm nay đã kỷ niệm nhà văn hóa của mình và tổ chức hội nghị khoa học với một thái độ văn hóa và khoa học.